

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức. Học sinh ôn tập các kiến thức về:

* Lịch sử thế giới 1945 – 2000

- Quan hệ quốc tế trong và sau chiến tranh lạnh (1945 – 2000).
- Liên Xô, Đông Âu (1945 - 1991) và Liên Bang Nga (1991 - 2000)
- Phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ la tinh.
- Các nước Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)
- Cách mạng khoa học công nghệ và xu thế Toàn cầu hóa

* Lịch sử Việt Nam 1945 – 1954

- Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, đường lối kháng chiến của Đảng
- Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16, chiến dịch Việt Bắc 1947, chiến dịch Biên giới 1950, Chiến cuộc Đông Xuân 1953 – 1954, Chiến dịch Điện biên phủ 1954.
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.
- Hiệp định Giơnevơ 1954

* Lịch sử Việt Nam 1954 – 1975 (Bài 21, 22,23)

- Tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơnevơ
- Miền Nam chiến đấu chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mĩ
- Các chiến thắng : Đồng Khởi 1959 – 1960, Tổng tiến công Xuân 1968, Tổng tiến công 1972, Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không 1972.
- Hiệp định Pari 1973.
- Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ.
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.
- Khôi phục kinh tế - xã hội ở Miền Bắc, giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước

1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Kỹ năng vận dụng kiến thức cơ bản để trả lời câu hỏi trắc nghiệm ở các mức độ khác nhau.
- Kỹ năng so sánh, phân tích, liên hệ các sự kiện lịch sử thế giới với lịch sử Việt Nam.
- Kỹ năng tích hợp kiến thức liên môn.

2. NỘI DUNG

2.1. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng %
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Thời gian	
		Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	TN	TL		
1	Lịch sử thế giới 1945 - 2000	5		4		2		1		12			
2	Lịch sử Việt Nam 1945 - 1954	3		2		2		1		8			
3	Lịch sử Việt Nam 1954 - 1975	8		6		4		2		20			
Tổng		16		12		8		4		40			
		40%		30%		20%		10%		100%			

2.2. Câu hỏi và bài tập minh họa

* **Mức độ nhận biết**

Câu 1 (NB) Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào hưởng ứng cuộc vận động “ Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập” nhằm mục đích gì?

- A. Nhanh chóng giải quyết nạn đói.
- B. Phục hồi các cơ sở sản xuất công nghiệp.
- C. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.
- D. Quyên góp tiền để xây dựng lực lượng quân đội mạnh.

Câu 2 (NB) Kẻ thù nào dọn đường, tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

- A. Thực dân Anh. B. Bọn Việt Quốc, Việt Cách.
C. các lực lượng nội phản trong nước. D. 6 vạn quân Nhật đang còn tại Việt Nam.

Câu 3 (NB) Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập *Nha bình dân học vụ* nhằm mục đích gì?

- A. xoá nạn mù chữ. B. Bài trừ các tệ nạn xã hội.
C. Đào tạo cán bộ cách mạng. D. Giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân.

Câu 4 (NB) Theo Tạm ước 14/09/1946, ta nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về

- A. kinh tế và văn hoá. B. kinh tế và quân sự.
C. kinh tế và tài chính. D. thuế và xuất khẩu hàng hoá.

Câu 5 (NB) Giải pháp *hoà để tiến* mà Thường vụ Trung ương Đảng lựa chọn trong cuộc họp ngày 3-3-1946 nhằm áp dụng cho lực lượng đế quốc nào?

- A. Phát xít Nhật. B. Thực dân Pháp.
C. Thực dân Anh. D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 6 (NB) Khó khăn về chính trị của nước Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. Nạn đói chưa được khắc phục B. Chính quyền cách mạng còn non trẻ
C. Ngân sách nhà nước trống rỗng D. 90% dân số mù chữ

Câu 7 (NB) Ngày 18 và 19/12/1946, Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng đã đưa ra quyết định

- A. Đảng rút vào hoạt động bí mật.
B. chọn giải pháp *hoà để tiến* với Pháp.
C. phát động toàn quốc kháng chiến chống Pháp.
D. phát động kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ.

Câu 8 (NB) Nội dung đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp là

- A. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
B. toàn dân, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
C. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
D. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 9(NB) Ngay sau khi *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được ban bố (19 - 12 - 1946), cuộc kháng chiến toàn quốc của quân dân ta đã diễn ra chủ yếu ở đâu?

- A. Các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 B. Các đô thị phía Nam vĩ tuyến 16. C. Tất cả các đô thị trong cả nước.
D. Các tỉnh đồng bằng Bắc bộ Việt Nam.

Câu 10 (NB) Khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc năm 1947, Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị

- A. chủ động đón đánh địch ở mọi nơi chúng xuất hiện.
B. phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp.
C. nhanh chóng triển khai lực lượng tiêu diệt sinh lực địch.
D. chủ động giữ thế phòng ngự chiến lược trên chiến trường.

Câu 11(NB) Sự kiện nào trực tiếp dẫn đến việc Đảng và Chính phủ quyết định phát động cả nước kháng chiến chống Pháp?

- A. Hội nghị Phôngtennoblô thất bại.
B. Pháp khiêu khích, tiến công ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn.
C. Pháp gửi tới hậu thư đòi Chính phủ ta giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.
D. Pháp chiếm đóng Bộ tài chính, gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún, phố Yên Ninh.

Câu 12(NB). Đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ ne vơ năm 1954:

- A. Mĩ thay chân Pháp, thành lập chính quyền tay sai.
B. miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ.
C. miền Bắc được giải phóng, đi lên CNXH.
D. đất nước bị chia cắt thành 2 miền, với 2 chế độ chính trị-xã hội khác nhau.

Câu 13 (NB) .Thắng lợi quân sự nào dưới đây góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam?

- A. Ấp Bắc. B. An Lão. C. Vạn Tường. D. Núi Thành.

Câu 14 (NB). Đến ngày 16/ 05/ 1955 miền Bắc nước ta

- A. hoàn toàn giải phóng. B. hoàn thành cải cách ruộng đất.
C. bắt đầu công cuộc khôi phục kinh tế. D. hoàn thành công cuộc cải tạo XHCN.

Câu 15 (NB). Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định vai trò của cách mạng miền Nam là:

- A. quyết định đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.

- B. quyết định đôi với sự phát triển của cách mạng cả nước.
- C. quyết định trực tiếp đôi với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
- D. đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến ở miền Nam.

Câu 16 (NB). Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào “Đồng khởi” là

- A. đưa nhân dân lên làm chủ ở nhiều thôn, xã miền Nam.
- B. giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
- C. làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
- D. đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.

Câu 17 (NB). Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao Động Việt Nam (9-1960) đã xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

- A. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- C. vừa kháng chiến vừa kiến quốc.
- D. đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

Câu 18 (NB). Lực lượng nòng cốt thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam là

- A. quân đội Sài Gòn.
- B. quân Mĩ và quân đồng minh.
- C. quân đội Sài Gòn và quân Đồng minh của Mĩ.
- D. quân đội Sài Gòn đảm nhiệm, không có sự chi viện của Mĩ.

Câu 19 (NB). Ngày 16-05-1955 lực lượng quân sự nào dưới đây rút khỏi miền Bắc Việt Nam?

- A. Quân Anh. B. Quân Pháp. C. Quân Nhật Bản. D. Quân Trung hoa dân quốc.

Câu 20 (NB). Trong thời kì 1954-1975, sự kiện nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

- A. “Đồng khởi”. B. Chiến thắng Ấp Bắc.
- C. Chiến thắng Vạn Tường. D. Chiến thắng Bình Giã.

*** Mức độ thông hiểu**

Câu 1 (TH). Nhân dân miền Nam tiến hành phong trào “Đồng khởi” chống lại chính quyền Mĩ – Diệm vì

- A. chính quyền Mĩ – Diệm đàn áp đẫm máu nhân dân miền Nam.
- B. lực lượng cách mạng miền Nam đã trưởng thành.
- C. nhân dân miền Nam đã có đường lối cách mạng đúng đắn.
- D. chính quyền Mĩ – Diệm không chịu thi hành hiệp định Giơnevơ.

Câu 2 (TH). Vì sao nói, Đại Hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lao động Việt Nam lần thứ III (1960) đã đưa ra đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo?

- A. Đảng đã xác định vai trò quyết định của miền Bắc đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.
- B. Đảng đã xác định vai trò quyết định của miền Nam đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
- C. Đảng đã tiến hành đồng thời cả 2 nhiệm vụ cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng Dân tộc, dân chủ, nhân dân ở miền Nam.
- D. Khẳng định vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với cách mạng cả nước.

Câu 3 (TH). Chiến thắng quân sự nào sau đây mở đầu cho cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam chống “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

- A. Chiến thắng Ấp Bắc. B. Chiến thắng Vạn Tường.
- C. Chiến thắng Ba Gia. D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 4 (TH). Vì sao ngay sau khi hiệp định Giơnevơ được kí kết, Mĩ liền thay thế Pháp dựng ra chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam?

- A. Mĩ muốn độc chiếm Đông dương.
- B. tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.
- C. thực hiện âm mưu cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- D. Mĩ muốn chi phối cách mạng miền Nam, phá hoại hiệp định Giơ ne vơ.

Câu 5 (TH). “Xương sống” của “Chiến lược chiến tranh đặc biệt”

- A. dồn dân lập “Ấp chiến lược”.
- B. mở các cuộc hành quân “tìm diệt” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.
- C. mở rộng quy mô đánh phá miền Bắc.
- D. xây dựng lực lượng quân đội Sài Gòn.

Câu 6 (TH). Trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, quân đội Sài Gòn có vai trò như thế nào trên chiến trường?

- A. Giữ vai trò chủ lực trên chiến trường.

- B. Đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của quân viễn chinh Mĩ.
- C. Cung cấp nhân lực cho quân đội Mĩ.
- D. Trực tiếp chỉ huy chiến dịch.

Câu 7 (TH). Chiến thắng Bình Giã (1964) có ý nghĩa như thế nào?

- A. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.
- B. Bước đầu làm phá sản chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.
- C. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” cơ bản bị phá sản.
- D. Mở đầu cho phong trào đánh Mĩ ở miền Nam.

Câu 8 (TH). Tính đến năm 1964, từng mảng lớn “áp chiến lược” của địch bị phá vỡ. Điều này chứng tỏ

- A. chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đứng trước nguy cơ phá sản.
- B. xương sống của “chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về cơ bản.
- C. địa bàn giải phóng được mở rộng.
- D. phong trào đấu tranh binh vận phát triển ở miền Nam.

Câu 9 (TH). Hạn chế của Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương là

- A. Hà Nội được giải phóng.
- B. Pháp rút quân khỏi miền Bắc.
- C. Đất nước bị chia cắt làm hai miền.
- D. Tiến hành Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Câu 10 (TH). Âm mưu cơ bản của Mĩ đối với miền Nam Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ 1954 là

- A. đưa quân Mĩ vào miền Nam.
- B. phá hoại các cơ sở kinh tế của ta.
- C. biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Mĩ.
- D. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

Câu 11 (TH). Nội dung nào **không** phản ánh đúng biện pháp mà Mĩ thực hiện khi tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965)?

- A. Đưa quân Mĩ và quân đồng minh vào miền Nam Việt Nam.
- B. Sử dụng các chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
- C. Tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.
- D. Tiến hành dồn dân lập “áp chiến lược”.

Câu 12 (TH). Điểm *khác nhau* cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) với “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam là về

- A. kết quả cuối cùng.
- B. lực lượng chỉ huy.
- C. lực lượng chủ yếu.
- D. phương tiện chiến tranh.

Câu 13 (TH). Chiến thắng nào đã tác động đến quyết định giải phóng miền Nam trong năm 1975 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (từ 18/12/1974 đến 9/1/1975)?

- A. Chiến thắng Buôn Ma Thuột.
- B. Chiến thắng Tây Nguyên.
- C. Chiến thắng Quảng Trị.
- D. Chiến thắng Đường 14 - Phước Long.

Câu 14 (TH). Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung của kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam do Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra vào cuối năm 1974 - đầu năm 1975?

- A. Giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.
- B. Tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.
- C. “Nếu thời cơ đến vào đầu cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.
- D. Giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1974 và 1975.

Câu 15 (TH). Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 được đánh dấu bởi sự kiện

- A. Xe tăng của quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập.
- B. Lá cờ của cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.
- C. Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng không điều kiện.
- D. Tỉnh cuối cùng ở miền Nam (Ghâu Đốc) được giải phóng.

*** Mức độ vận dụng**

Câu 1: Nội dung nào dưới đây không thuộc Hiệp định Pari 1973?

- A. Miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.
- B. Hoa Kỳ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- C. Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- D. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt trong chiến tranh.

Câu 2: Ý nghĩa nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari?

- A. Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao.

- B. Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược.
- C. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
- D. Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất.

Câu 3: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mĩ nhất định phải rút khỏi nước ta”. Nội dung trên được trích dẫn từ tư liệu nào dưới đây?

- A. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng.
- C. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.
- D. Thư chúc tết năm 1968 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 4: Chiến thắng “Lam Sơn – 719” trong chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa”, “Đông Dương hóa” chiến tranh của Mĩ là thắng lợi chung của quân dân nước nào dưới đây?

- A. Việt Nam – Lào.
- B. Việt Nam – Campuchia.
- C. Campu chia – Lào.
- D. Việt Nam – Lào – Campuchia.

Câu 5: Một trong những thủ đoạn mới của Mĩ trong Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là

- A. dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam.
- B. quân viễn chinh Mĩ được đưa vào Đông Dương ngày càng nhiều.
- C. quân đồng minh của Mĩ được đưa vào Đông Dương ngày càng nhiều .
- D. quân đội Sài Gòn được sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương.

Câu 6: “Việt Nam hóa chiến tranh” nằm trong chiến lược toàn cầu nào của Mĩ?

- A. “Ngăn đe thực tế”.
- B. “Phản ứng linh hoạt”.
- C. “Cam kết và mở rộng”.
- D. “Vành đai Thái Bình Dương”.

Câu 7: Một trong những thủ đoạn mới của Mĩ trong Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là

- A. dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam.
- B. quân viễn chinh Mĩ được đưa vào Đông Dương ngày càng nhiều.
- C. quân đồng minh của Mĩ được đưa vào Đông Dương ngày càng nhiều .
- D. thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.

*** Mức độ vận dụng cao**

Câu 1. Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ sau ngày 2-9-1945 đến ngày 19-12-1946 phản ánh quy luật nào của lịch sử Việt Nam?

- A. Kiên quyết chống giặc ngoại xâm.
- B. Luôn giữ vững chủ quyền dân tộc.
- C. Dùng nước đi đôi với giữ nước.
- D. Mềm dẻo trong quan hệ đối ngoại.

Câu 2. Bài học kinh nghiệm rút ra từ việc giải quyết nạn đói của Chính phủ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với nền giáo dục Việt Nam hiện nay là

- A. xây dựng xã hội học tập.
- B. đào tạo cán bộ.
- C. xây dựng nông thôn mới.
- D. xây dựng trường đại học nhiều.

Câu 3. Từ thực tiễn giải quyết những khó khăn sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho thấy

- A. Giành chính quyền là vấn đề cơ bản nhất của cuộc cách mạng.
- B. Giành chính quyền đã khó nhưng giữ chính quyền còn khó hơn.
- C. Giành và giữ chính quyền là nhiệm vụ của tư sản dân tộc Việt Nam.
- D. Giành và giữ chính quyền là nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân.

Câu 4. Một trong những nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975) là

- A. kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của lực lượng vũ trang.
- B. tổng công kích, tạo thời cơ đề tổng khởi nghĩa thắng lợi.
- C. kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng.
- D. bám sát tình hình địch, chủ động, linh hoạt.

Câu 5. Điểm chung về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng ta trong các cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) và chống Mĩ (1954 -1975) là

- A. kết hợp khởi nghĩa từng phần với chiến tranh cách mạng.
- B. kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao.
- C. giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.
- D. kết hợp tiến công của bộ đội chủ lực và nổi dậy của nhân dân.

2.3. Đề minh họa

Câu 1: Nội dung đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp là

- A. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. toàn dân, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- C. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- D. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 2: Thắng lợi nào của quân dân Việt Nam ở miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược?

- A. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.
- C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Câu 3: Một trong những nội dung quan trọng của chiến lược "Cam kết và mở rộng" do Tổng thống Mĩ Bill Clinton đề ra là

- A. ứng dụng khoa học - công nghệ để phát triển nền kinh tế Mĩ.
- B. hợp tác về kỹ thuật với các nước đồng minh để phát triển kinh tế.
- C. trợ giúp cho nền kinh tế các nước tư bản đồng minh phát triển.
- D. khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ.

Câu 4: Sự kiện nào trực tiếp dẫn đến việc Đảng và Chính phủ quyết định phát động cả nước kháng chiến chống Pháp?

- A. Hội nghị Phôngtenôblô thất bại.
- B. Pháp khiêu khích, tiến công ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn.
- C. Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.
- D. Pháp chiếm đóng Bộ tài chính, gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún, phố Yên Ninh.

Câu 5: Nội dung nào dưới đây **không** nằm trong nguyên nhân dẫn đến sự thành lập của tổ chức ASEAN?

- A. Thành công của khối thị trường chung châu Âu cô vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau.
- B. Xây dựng một trật tự thế giới nhằm tạo đối trọng với trật tự hai cực Ianta.
- C. Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực Đông Nam Á.
- D. Các nước Đông Nam Á thấy cần có sự hợp tác với nhau để cùng phát triển.

Câu 6: Nhân dân một số nước Đông Nam Á đã tranh thủ điều kiện khách quan nào để nổi dậy giành độc lập vào năm 1945?

- A. Quân Đồng minh giải giáp quân đội Nhật.
- B. Quân phiệt Nhật đầu hàng Đồng minh.
- C. Liên Xô đánh thắng quân phiệt Nhật.
- D. Phát xít Đức đầu hàng lực lượng Đồng minh.

Câu 7: Chiến thắng nào mở ra khả năng quân và dân miền Nam có thể đánh bại hoàn toàn chiến lược *Chiến tranh đặc biệt*?

- A. Chiến thắng Ấp Bắc.
- B. Chiến thắng Vạn Tường.
- C. Chiến thắng Bình Giả.
- D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 8: Thành tựu lớn nhất trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì?

- A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. Trở thành trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.
- C. Trở thành cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới.
- D. Mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ.

Câu 9: Trong những năm 1973 - 1982, nền kinh tế Mĩ lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái chủ yếu là do

- A. cuộc chạy đua vũ trang với Liên Xô.
- B. thất bại của Mĩ trong cuộc chiến tranh Việt Nam.
- C. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
- D. sự cạnh tranh của Nhật Bản và các nước Tây Âu.

Câu 10: Chiến thắng nào của ta trong năm 1975, đã chuyển cách mạng miền Nam từ cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược?

- A. Chiến thắng Phước Long
- B. Chiến thắng Tây Nguyên

C. Chiến thắng Huế -Đà Nẵng

D. Chiến thắng Quảng Trị

Câu 11: Điều không phải là điểm giống nhau giữa chiến lược chiến tranh cục bộ (1965-1968) với chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973)?

A. Quy mô chiến tranh

B. Lực lượng quân đội nòng cốt

C. Tính chất chiến tranh

D. Kết quả

Câu 12: Chiến thắng nào của quân và dân Việt Nam thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Ngụy nhào”?

A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

C. Hiệp định Pari được kí kết năm 1973.

D. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Câu 13: Nhận định nào dưới đây là nguyên nhân quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)?

A. Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

B. Có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau của ba dân tộc Đông Dương.

C. Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm.

D. Có sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 14: Nội dung nào **không** phải là nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc?

A. Duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

B. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

C. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

D. Bình đẳng chủ quyền giữa các nước và quyền tự quyết của các dân tộc.

Câu 15: Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản đưa ra chính sách đối ngoại mới chủ yếu là do

A. có tiềm lực kinh tế - tài chính lớn mạnh. B. Mĩ cắt giảm dần sự bảo trợ về an ninh.

C. có tiềm lực kinh tế - quốc phòng vượt trội.

D. tác động của cục diện Chiến tranh lạnh.

Câu 16: Thủ đoạn chính của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam (1965-1968) là

A. Tìm diệt

B. Càn quét

C. Dồn dân lập ấp chiến lược

D. Tìm diệt và bình định

Câu 17: Điểm giống nhau giữa chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" với "Việt Nam hoá chiến tranh" là

A. quân đội tay sai là lực lượng chủ lực.

B. quân đội ngụy là một bộ phận của lực lượng chủ lực "tìm diệt".

C. vai trò của quân Mĩ và hệ thống cố vấn Mĩ giảm dần.

D. hệ thống cố vấn Mĩ được tăng cường tối đa, trong khi đó viện trợ Mĩ giảm dần.

Câu 18: Ý nghĩa quan trọng của chiến thắng “Điện Biên Phủ” năm 1954 là gì?

A. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam, Lào, Campuchia.

B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá ở miền Bắc.

D. Buộc Pháp phải ký hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Câu 19: Hiệp định Pari về Việt Nam (27-1-1973) được kí kết có ý nghĩa gì?

A. Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

B. Góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng với miền Nam có lợi cho cách mạng.

C. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

D. Đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

Câu 20: Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam mà nghị quyết Trung ương lần thứ 15 (1959) xác định là con đường nào sau đây?

A. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

B. Giữ gìn và phát triển lực lượng chờ thời cơ.

C. Chuyển từ hình thức vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị hoà bình chống Mỹ - Diệm.

D. Thực hiện ngay hình thức tổng tiến công và nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân.

Câu 21: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã xác định cách mạng miền Bắc có vai trò gì đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước?

A. Có vai trò quyết định nhất.

B. Có vai trò quyết định trực tiếp.

C. Có vai trò quyết định gián tiếp.

D. Có vai trò quan trọng.

Câu 22: Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Phước Long (cuối năm 1974- đầu năm 1975) đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ là gì?

- A. Làm lung lay ý chí chiến đấu của quân đội Sài Gòn
- B. Chứng tỏ sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của quân ta, giúp Bộ chính trị hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam
- C. Giáng đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn
- D. Tạo tiền đề thuận lợi để hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam

Câu 23: Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) đều

- A. có sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng.
- B. có sự điều chỉnh phương châm tác chiến.
- C. tiêu diệt mọi lực lượng của đối phương.
- D. là những trận quyết chiến chiến lược.

Câu 24. Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

- A. triển khai chiến lược toàn cầu, để làm bá chủ thế giới.
- B. không chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.
- C. ngăn chặn tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
- D. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

Câu 25: : “*Thân tộc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*”, đó là tinh thần và khí thế của quân và dân ta trong chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Tây Nguyên
- B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh
- D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh

Câu 26. Đặc điểm nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì?

- A. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối thoại, hợp tác.
- B. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối đầu gay gắt.
- C. Hòa bình hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.
- D. Thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

Câu 27: Điểm giống nhau giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) và “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) của Mỹ ở Việt Nam là gì?

- A. Sử dụng lực lượng quân đội Mỹ là chủ yếu.
- B. Thực hiện các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.
- C. Nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- D. Sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

Câu 28: Đặc điểm lớn nhất, độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam thời kì 1954 - 1975 là một Đảng lãnh đạo nhân dân

- A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền Nam - Bắc.
- B. thực hiện nhiệm vụ đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- C. hoàn thành cách mạng dân chủ và xã hội chủ nghĩa trong cả nước.
- D. hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước.

Câu 29. Sự kiện nào được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô, gây nên cuộc Chiến tranh lạnh?

- A. Thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mỹ
- B. Kế hoạch Mácsan
- C. Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO)
- D. Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước VACSAVA

Câu 30. Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) là

- A. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước
- B. Tạo điều kiện để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội
- C. Là nguồn cổ vũ với phong trào cách mạng thế giới
- D. Làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mỹ

Câu 31: Sự kiện chính trị nào đã biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mỹ?

- A. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia
- B. Hội nghị bộ trưởng ba nước Đông Dương
- C. Liên minh chống Mỹ được thành lập
- D. Phối hợp phản công giữa quân đội Việt Nam với quân dân Lào và Campuchia

Câu 32: Phong trào đấu tranh được coi là “lá cờ đầu” của cách mạng Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. cách mạng Mêhicô. B. cách mạng Cuba.
B. cách mạng Côlômbia. D. cách mạng Vênêxuêla.

Câu 33: Điều khoản nào trong Hiệp định Pari có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam?

- A. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội.
B. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.
C. Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự.
D. Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

Câu 34: Tại sao cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 lại mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

- A. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ
B. Buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược
C. Buộc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc
D. Buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đến đàm phán ở Pari

Câu 35: Đặc điểm nổi bật của tình hình Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

- A. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành trên phạm vi cả nước
B. Mỹ thay chân Pháp xâm lược Việt Nam
C. Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành 2 miền với 2 chế độ chính trị khác nhau
D. Cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội

Câu 36: Nội dung nào dưới đây là một trong những điểm khác nhau giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 -1968) với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) của Mỹ ở MN.

- A. Năm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ.
B. Quân viễn chinh Mỹ trực tiếp tham chiến.
C. Loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới.
D. Biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự của Mỹ.

Câu 37. Năm 1947, thực dân Anh thực hiện “Phương án Maobátton” chia Ấn Độ thành hai quốc gia. Đây là việc thực hiện thủ đoạn chính sách

- A. phân biệt chủng tộc. B. mua chuộc giai cấp thống trị. C. đồng hóa. D. chia để trị.

Câu 38. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Phước Long (cuối năm 1974- đầu năm 1975) đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ là gì?

- A. Tạo tiền đề thuận lợi để hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam
B. Chứng tỏ sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của quân ta, giúp Bộ chính trị hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam
C. Làm lung lay ý chí chiến đấu của quân đội Sài Gòn
D. Giáng đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn

Câu 39. Chiến thắng nào của ta trong năm 1975, đã chuyển cách mạng miền Nam từ cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược?

- A. Chiến thắng Tây Nguyên B. Chiến thắng Huế -Đà Nẵng
C. Chiến thắng Phước Long D. Chiến thắng Quảng Trị

Câu 40: Sự sụp đổ của chế độ phân biệt chủng tộc (Apácthai) ở Nam Phi (1993) chứng tỏ

- A. chủ nghĩa thực dân mới bắt đầu khủng hoảng và suy yếu.
B. hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cơ bản bị tan rã.
C. một hình thức thống trị của chủ nghĩa thực dân bị xóa bỏ.
D. cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội đã hoàn thành ở châu Phi.

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2024
Tổ (nhóm) trưởng